

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/HS-ST
Ngày 30/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Việt Anh.

2/ Ông Dương Xuân Thìn.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Đỗ Duy Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ **Phan Thanh S**, sinh năm 1986. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đ 8, thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Văn V và bà Phan Thị P (đã ly hôn); Gia đình bị cáo có 04 anh, chị em; bị cáo là con thứ hai. Theo danh chỉ bản số 80, do Công an huyện Đông Anh lập ngày 01/01/2018 và trích lục tiền án, tiền sự số 1384867 ngày 30/01/2018 của Phòng hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát Công an Thành phố Hà Nội thì bị cáo không có tiền án; không có tiền sự. Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án; Tại bản án số 34/2007/HSST ngày 28/3/2007, Tòa án nhân dân Quận Long Biên tuyên phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng về tội Cố ý gây thương tích; 01 tiền sự: Áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng tại Trung tâm giáo dục và lao động xã hội số III, theo quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 186/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 của UBND huyện Đông Anh; Bắt tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến nay, tại Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2/ **Bùi Quang P**, sinh năm 1977. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn YH, xã HB, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Cao Q và bà Đỗ Thị T; Gia đình bị cáo có 06 anh, chị em; bị cáo là con thứ tư. Vợ là Nguyễn

Thị H; Có 2 con, con lớn sinh năm 202, con nhỏ sinh năm 2004; Theo danh chỉ bản số 119, do Công an huyện Đông Anh lập ngày 19/01/2018 và trích lục tiền án, tiền sự số 1384726 ngày 30/01/2018 của Phòng hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát Công an Thành phố Hà Nội thì bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; Về nhân thân: Không có tiền án, tiền sự đã được xóa; Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. **Phan Thanh S**, sinh năm 1986. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đ8, thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bùi Quang P**, sinh năm 1977. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn YH, xã HB, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Nguyễn Thị H**, Sinh 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn YH, xã HB, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (là vợ bị cáo P). Có mặt tại phiên tòa

2/ Bà **Phan Thị P**, sinh năm 1964; HKTT: Đ8, thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (là mẹ bị cáo S). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h00' ngày 06/9/2017, anh Phan Văn T, sinh năm 1996; HKTT: Thôn VL, xã VL, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, điều khiển xe máy Wave, BKS: 29Z2- 0024 chở Bùi Quang P, sinh năm 1977; HKTT: Thôn YH, xã HB, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội đến nhà anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; HKTT: Thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội chơi. Đến cổng nhà anh Nguyễn Văn T thì gặp các anh Nguyễn Hữu V, sinh năm 1988; HKTT: Thôn ML, xã ĐM, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; anh Lê Văn T, sinh năm 1987; HKTT: TT, Triệu Sơn, Thanh Hóa; Tạm trú: Thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội và anh Nguyễn Văn T đang đứng nói chuyện. Anh Nguyễn Văn T rủ P, Phan Văn T, Lê Văn T và V đi uống bia, tất cả đều đồng ý. Anh Phan Văn T quay đầu xe máy BKS: 29Z2-0024 (xe của anh P) và đỗ giữa đường ngõ gần trước cửa nhà Nguyễn Văn T. Anh Lê Văn T vào nhà Nguyễn Văn T để dắt xe máy Novor BKS: 29S1- 246.09 (xe của anh Nguyễn Văn T) ra để cùng đi. Khi anh Phan Văn T, V, Nguyễn Văn T và Bùi Văn P đang đỗ xe máy đứng ở đường, gần trước cổng nhà anh Nguyễn Văn T để chờ anh Lê Văn T dắt xe máy ra thì Phan Thanh S, sinh năm 1986; HKTT: Đ8, thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội một mình điều khiển xe máy Honda Dream, BKS: 31.108-H6 đi qua. Do bị vướng lối đi, S nói “các anh cho em đi nhờ”. P nói “vẫn còn lối kia sao không đi”. S bực tức nói “các ông đứng thế này ai mà đi được”. Thấy S tỏ thái độ, P “sao mà nặng lời thế”. Sau đó, giữa S và P mâu thuẫn, cãi chửi nhau. S xuống xe rồi đi đến gần P dùng tay phải đâm một phát về phía mặt P, P tránh được, đồng thời dùng tay phải đâm lại một phát trúng ngực S. Thấy vậy, anh Nguyễn Văn T và anh V vào can ngăn. S bỏ xe máy lại, chạy bộ về nhà S (cách khoảng 100 mét) lấy

một con dao rựa ở đồng rác tại khu vực gần nhà S rồi quay lại khu vực nhà anh Nguyễn Văn T, mục đích sử dụng tấn công P. Anh V đi theo S để can ngăn. Đến khu vực gần nhà S, thấy S cầm dao quay lại, anh V nói “bạn ơi! có gì thì từ từ giải quyết”. Sơn kẻ dao lên vai phải anh V đe dọa “không phải việc của mày tránh ra”. Anh V dùng tay trái gạt dao của S ra thì bị sây sát, chảy máu ở vai và cánh tay trái nên không can ngăn nữa. S cầm dao đi về phía nhà anh Nguyễn Văn T tìm đánh P.

Sau khi S bỏ chạy về nhà, sợ P bị S đánh, anh Nguyễn Văn T đi vào trong nhà lấy một đoạn tuýp sắt dài 62cm, đường kính 02cm cầm ra đưa cho P, mục đích để P phòng thân. P cầm đoạn tuýp sắt và nói “ra xem nó định làm gì”. Sau đó, tay phải P cầm đoạn tuýp sắt, cùng anh Nguyễn Văn T đi về phía nhà S nhưng không gặp S nên quay lại nhà Nguyễn Văn T lấy xe máy cùng nhau đi ra khu chung cư để uống bia. Phan Văn T điều khiển xe máy chở P (cầm tuýp) đi trước, anh Nguyễn Văn T điều khiển xe máy một mình đi sau. Khi đi đến ngã tư đầu ngõ nhà S (cách nhà S khoảng 30m) thì gặp S cầm dao đi bộ ra. Thấy P, S cầm dao đuổi theo mục đích đánh P. P cũng nhảy xuống xe cầm tuýp sắt quay lại, mục đích đánh nhau với S. S cầm dao rựa ở tay phải, vung lên chém một nhát về phía P theo chiều từ trên xuống dưới, từ phải qua trái. P cầm tuýp sắt đập một phát từ trên xuống trúng đầu của S gây thương tích, đồng thời P giơ tay trái lên đỡ thì bị dao chém trúng cổ tay trái. Đúng lúc đó, anh Lê Đình C, sinh năm 1996; HKTT: thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (em cùng mẹ khác cha với S) cùng mọi người chạy đến can ngăn, anh C ôm kéo P ra, vừa ôm vừa đẩy P chạy về phía nhà Nguyễn Văn T.

P được mọi người đưa đến Bệnh viện Việt Đức cấp cứu. Anh V được mọi người đưa đến Bệnh viện nhiệt đới điều trị. S đến phòng khám Hoàng Ngân ở xã KN, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội để băng bó vết thương, sau đó sang Bệnh viện Xanh Pôn chữa trị.

- Giấy chứng nhận thương tích số 4275/17 và Bệnh án số 4276/17 ngày 03/10/2017 của Bệnh viện Việt Đức xác định thương tích của Bùi Quang P: Vết thương bàn tay trái 8 cm đứt gần rời ngang khối tụ cốt còn lại vùng phần mềm và da bờ quay, vết thương vào xương thóp, xương đậu, đứt hoàn toàn dây thần kinh giữa, bó mạch, thần kinh trụ, đứt hoàn toàn khối gân gấp nông sâu các ngón, gân gấp dài ngón 1, gân gan tay dài, gân gấp cổ tay trụ, đứt hoàn toàn các gân duỗi ngón I - V. Ngày 14/11/2017, Trung tâm pháp y Hà Nội kết luận: Bùi Quang P tổn hại 45% sức khỏe (trong đó các sẹo vết thương, vết mổ là 08%, tổn thương hoàn toàn nhánh thần kinh giữa tay trái đoạn cổ tay đã phẫu thuật khâu nối là 11%, tổn thương hoàn toàn nhánh thần kinh trụ tay trái đoạn cổ tay đã phẫu thuật khâu nối là 11%, đứt động mạch trụ tay trái đã phẫu thuật khâu nối là 04%, gãy đầu dưới xương quay trái, tổn thương xương thóp, xương đậu và đứt các gân gấp nông sâu các ngón bàn tay trái, gân gấp dài ngón I, gân gan tay dài, đứt hoàn toàn các gân duỗi ngón I - V hiện mất chức năng vận động nguy cơ gây cứng khớp cổ tay ở tư thế cơ năng là 21%), nhiều khả năng các thương tích do vật sắc gây nên.

- Giấy chứng nhận thương tích số 450/CN và bệnh án ngày 02/10/2017 của Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn xác định thương tích của Phan Thanh S: Vết thương vùng cằm trái sấp xỉ 03 cm, đã khâu; bầm tím ngực trái khoang liên sườn V đường giữa đòn trái sấp xỉ 03 cm; bầm tím mu tay phải. Ngày 14/11/2017, Trung tâm pháp y Hà Nội kết

luận: Phan Thanh S tổn hại 03% sức khỏe (trong đó các sẹo vết thương phần mềm là 03%), nhiều khả năng chàm thương và các thương tích do vật tày, vật tày có cạnh gây nên.

- Xác minh thương tích tại bệnh viện Nhiệt Đới xác định thương tích của Nguyễn Hữu V: 01 vết thương phần mềm hạ đòn phải kích thước (03 x 01) cm, mép nhám nhờ, bầm; xây sát mặt trước cổ tay trái. Anh V từ chối khám thương và giám định thương tích, không đề nghị xử lý gì.

Ngày 08/12/2017, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an qua giám định ADN kết luận trên tuýp sắt và trên con dao có bám dính máu của Bùi Quang P.

Tại Cơ quan điều tra: Bị cáo Phan Thanh S và Bùi Quang P khai nhận hành vi đánh nhau gây thương tích, như đã nêu trên. Cả hai bị cáo cho rằng hành vi của mình là phòng vệ chính đáng, nhưng căn cứ tài liệu điều tra xác định bị cáo S và bị cáo P đều có mục đích đánh gây thương tích cho người khác.

Đối với anh Nguyễn Văn T: Anh Nguyễn Văn T có hành vi đưa tuýp sắt cho bị cáo Bùi Quang P trước khi P gây thương tích cho bị cáo S, mục đích đưa tuýp sắt cho bị cáo P để phòng thân. Việc bị cáo P sử dụng đoạn tuýp sắt đánh gây thương tích cho bị cáo S là ngoài ý muốn của anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T không có lỗi trong việc này, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra, bị cáo S khai: Ngoài bị cáo Bùi Quang P, S còn bị anh Nguyễn Hữu V, Nguyễn Văn T, Phan Văn T đánh gây thương tích. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được xác định anh V, Nguyễn Văn T, Phan Văn T không tham gia đánh bị cáo S, còn có hành động can ngăn S và P, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn Văn T, Phan Văn T và Nguyễn Hữu V.

*Về việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: Ngày 06/9/2017, anh Phan Thành N, sinh năm 1982; HKTT: Thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tự nguyện giao nộp: 01 tuýp sắt dài 62cm, đường kính 02cm, màu trắng, phần chuôi tuýp màu đen dài 12cm, thân tuýp màu trắng sáng dài 50cm, có dính chất màu nâu đỏ; 01 dao làm bằng kim loại tối màu, dài 38,5cm, chuôi dao bằng kim loại dài 10,5cm, lưỡi dao dài 28cm, bản rộng nhất 7,5cm.

Ngày 06/9/2017, anh Nguyễn Văn Đ (tức Ng), sinh năm 1971; HKTT: Đ8, thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tự nguyện giao nộp 01 USB lưu giữ hình ảnh camera.

Ngày 26/12/ 2017 và ngày 02/01/2018, bị cáo Phan Thanh S và Bùi Quang P đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra toàn bộ số hóa đơn bán hàng và phiếu thu liên quan đến việc chi phí để khám chữa bệnh và điều trị thương tích.

Ngày 18/01/2018, bà Phan Thị P, sinh năm 1964; HKTT: Đ8, thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (là mẹ bị cáo S) tự nguyện giao nộp 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo S (Bị cáo S có nhờ cơ quan điều tra thông báo cho bà P bồi thường giúp S cho P số tiền 5.000.000)

*Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 con dao là của bị cáo S nhặt được, sử dụng gây án; 01 đoạn tuýp sắt là của anh Nguyễn Văn T. P sử dụng đánh gây thương tích cho bị cáo S; 01 chiếc USB do anh Nguyễn Văn Đ giao nộp, bên trong lưu giữ đoạn video liên quan đến việc bị cáo S

và P va chạm dẫn đến đánh nhau. Anh Đ không có nhu cầu nhận lại, chuyển Tòa án Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

- Đối với 5.000.000 đồng là tài sản của bà Phan Thị P. Bà P tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả giúp bị cáo S, chuyển Tòa án Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

**Về dân sự:*

- Bị cáo Bùi Quang P có đơn yêu cầu bị cáo Phan Thanh S bồi thường 271.720.000 đồng, cụ thể: Tiền viện phí, thuốc chữa bệnh, tiền giám định (có hóa đơn) là 26.000.000 đồng; Tiền mất thu nhập do nghỉ làm việc để khám chữa và điều trị trong 4 tháng là 30.720.000 đồng; Tiền ăn uống đi lại khoảng 10.000.000 đồng; Tiền bồi thường về tổn hại sức khỏe, tinh thần là 200.000.000 đồng; tiền chi phí cho người chăm sóc 5.000.000đ. Gia đình bị cáo S bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo P không đồng ý.

- Bị cáo S yêu cầu bị cáo P bồi thường 5.000.000 đồng, cụ thể: Tiền viện phí, thuốc chữa bệnh, tiền giám định là 2.883.839 đồng (có hóa đơn), chi phí khác khoảng 2.000.000 đồng. Bị cáo P không đồng ý bồi thường số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 27/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố:

- Phan Thanh S về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Bùi Quang P về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như nội dung bản cáo trạng 24/CT-VKS ngày 27/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 của Quốc hội. Xử phạt: Phan Thanh S - từ 06 đến 07 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 30/12/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt: Bùi Quang P - từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo; thời hạn thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Giao bị cáo Bùi Quang P cho UBND xã HB, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án

**Về vật chứng vụ án:*

- Tịch thu tiêu hủy 01 tuýp sắt; 01 dao rựa; 01 USB lưu giữ hình ảnh camera.

** Về phân dân sự:*

- Buộc bị cáo P bồi thường cho bị cáo S theo hóa đơn 2.884.000đ;

- Buộc bị cáo S bồi thường cho bị cáo P tiền chi phí theo hóa đơn; tiền chi phí nuôi dưỡng; tiền mất thu nhập; tiền mất sức khỏe và tổn thất tinh thần trừ số tiền bị cáo P bồi thường cho bị cáo S và tiền mẹ bị cáo S đã nộp bồi thường; bị cáo S còn tiếp tục bồi thường cho bị cáo P, tổng cộng 70.931.474đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

- Đối với bị cáo S: Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thanh S có lời khai nhận tội như bản cáo trạng đã nêu; Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Biên bản xác định hiện trường vụ án; Sơ đồ hiện trường; Giấy chứng thương; Bản kết luận giám định thương tích; Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với nội dung vụ án; bị cáo đã dùng dao “xác định là dùng hung khí” chém một nhát vào cổ tay trái, gây tổn hại sức khỏe cho bị cáo P 45%. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Phan Thanh S đã phạm tội: “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015. Điều khoản này quy định hình phạt tù từ 5 năm đến 10 năm.

- Đối với bị cáo P: Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Quang P có lời khai nhận tội như bản cáo trạng đã nêu; Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Biên bản xác định hiện trường vụ án; Sơ đồ hiện trường; Giấy chứng thương; Bản kết luận giám định thương tích; Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với nội dung vụ án; bị cáo đã dùng tuýp sắt “xác định là dùng hung khí nguy hiểm” vụt một cái vào đầu, gây tổn hại sức khỏe cho bị cáo S 3%. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bùi Quang P đã phạm tội: “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều khoản này quy định hình phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[2] Đánh giá tính chất hành vi và mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án này cho thấy:

- Bị cáo S đã dùng dao chém một nhát vào cổ tay trái của bị cáo P gây tổn hại sức khỏe cho bị cáo P 45%. Hành vi của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, vì đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác nên phạm tội. Hành vi dùng dao của bị cáo được xác định là dùng Hung khí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, chém vào cổ tay gây tổn hại sức khỏe cho bị cáo P 45%, tính theo phương pháp cộng lùi. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc.

- Bị cáo P đã dùng tuýp sắt vụt một cái vào đầu bị cáo S gây tổn hại sức khỏe cho bị cáo S 3%. Hành vi của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội, vì đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe người khác nên phạm tội. Hành vi dùng tuýp sắt của bị cáo được xác định là Hung khí nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 1 điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, vụt vào đầu gây tổn hại sức khỏe cho bị cáo S 3%. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự bị cáo:

- Về tiền án: Bị cáo Phan Thanh S, Bùi Quang P không có tiền án;

- Về tiền sự: Bị cáo Phan Thanh S, Bùi Quang P không có tiền sự.

- Về nhân thân:

+ Bị cáo Bùi Quang P không có tiền án; không có tiền sự (đã được xóa).

+ Bị cáo Phan Thanh S có 01 tiền án: Tại bản án số 34/2007/HSST ngày 28/3/2007, Tòa án nhân dân Quận Long Biên tuyên phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa); 01 tiền sự: Áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng tại Trung tâm giáo dục và lao động xã hội số III, theo quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 186/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 của UBND huyện Đông Anh (đã được xóa).

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Khi lượng hình Toà án có xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, đó là:

- Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc Thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 101/2015/QH13 của Quốc hội.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (..thì phạt tù từ 05 năm đến 10 năm) và theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (..thì phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm). Như vậy, khung hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn khung hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, áp dụng khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo S.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (...hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm) và theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (...hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm). Như vậy, khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 và khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 bằng nhau. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999 đối với bị cáo P.

- Đối với bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội, bị cáo và gia đình đã nộp 5000.000đ để khắc phục thiệt hại cho người bị hại là bị cáo P. Do đó, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; nhưng bị cáo S có nhân thân xấu; vì vậy, cần phải áp dụng biện pháp tù giam mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và góp phần vào đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

- Đối với bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo có việc làm và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; Mẹ bị cáo P có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Do đó, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo, được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giúp đỡ của gia đình và chính quyền địa phương cũng có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về phần dân sự:

5.1. Phan Thanh S có lời khai yêu cầu bồi thường toàn bộ số tiền chi phí thuốc, chữa trị vết thương, tổng cộng là 5.000.000đ.

Xét thấy: Theo qui định tại điểm a, d khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự “Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại” “thiệt hại khác do pháp luật qui định”. Yêu cầu của Phan Thanh S đối với các khoản tiền trên là có căn cứ và phù hợp theo qui định của pháp luật. Nhưng số tiền chi phí có hóa đơn, gồm: Khám, cấp giấy chứng thương giám định y khoa, sao tìm bệnh án 350.000đ; Biên lai thu tiền khám bệnh, công tiêm 430.000đ; Hóa đơn bán hàng tiền thuốc – thu phí 2.103.839đ. Cộng = 2.883.839đ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu này của Phan Thanh S và buộc Bùi Quang P bồi thường cho Phan Thanh S số tiền chi phí thuốc, chữa trị vết thương 2.883.839đ (làm tròn 2.884.000đ) là phù hợp.

5.2. Bùi Quang P có đơn và lời khai yêu cầu Phan Thanh S bồi thường tổng cộng 271.720.000 đồng, cụ thể:

+ Đối với tiền chi phí có hóa đơn: Bùi Quang P yêu cầu bồi thường theo hóa đơn tổng cộng là 26.000.000đ.

Xét thấy: Theo qui định tại điểm a, d khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự “Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại” “thiệt hại khác do pháp luật qui định”. Việc yêu cầu của Bùi Quang P đối với các khoản tiền trên là có căn cứ và phù hợp theo qui định của pháp luật. Số tiền cộng theo hóa đơn là 26.014.826đ, nhưng trong đó có 02 hóa đơn mua thuốc cùng các loại thuốc, cùng số lượng thuốc, nẹp căng tay, cùng ngày 25/9/2017 và cùng giá tiền 699.000đ. Do đó, chỉ chấp nhận một hóa đơn mua thuốc ngày 25/9/2017 có giá tiền 699.000đ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Bùi Quang P và buộc Phan Thanh S bồi thường cho Bùi Quang P số tiền theo hóa đơn 25.315.826đ là phù hợp.

+ Đối với khoản tiền chi phí cho người chăm sóc 05 ngày ở bệnh viện là 5.000.000đ.

Xét thấy: Theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự “Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị...”. Bùi Quang P vào viện ngày 06/9/2017 và ra viện ngày 11/9/2017; trong thời gian Bùi Quang P phải nằm viện để mổ và điều trị các vết thương với tổn hại sức khỏe 45%, Bùi Quang P không tự chăm sóc được mà phải có người chăm sóc. Việc yêu cầu chi phí cho người chăm sóc là thực tế và đúng pháp luật. Theo biên bản lời khai của chị Nguyễn Thị H (vợ P) thu nhập hơn 100.000đ/ngày và Biên bản xác minh của Công ty TNHH thương Mại dịch vụ Phúc Thiện Minh xác định thu nhập của chị H 110.000đ/ngày và trong thời gian chị H nghỉ việc Công ty TNHH thương Mại dịch vụ Phúc Thiện Minh không thanh toán lương. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu này của Bùi Quang P và buộc bị cáo S phải bồi thường số tiền 5 ngày x 110.000đ = 550.000đ là phù hợp.

+ Đối với khoản tiền do mất thu nhập 04 tháng x 7.680.000đ = 30.720.000đ.

Xét thấy: Theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự “Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người

bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của người lao động cùng loại”.

- Theo qui định tại tiểu mục 1.2 mục 1 phần II Nghị quyết 03 “Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại. Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm người bị thiệt hại có thu nhập thực tế, nhưng do sức khỏe bị xâm hại họ phải đi điều trị và do đó khoản thu nhập thực tế của họ bị mất hoặc bị giảm sút thì họ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút

- Theo giấy xác nhận mức thu nhập và thời gian nghỉ ốm của Công ty TNHH khu Công nghiệp Thăng Long thì mức lương trung bình hàng tháng của Bùi Quang P là 6.970.000đ/tháng. Thời gian nghỉ ốm từ ngày 06/9/2017 đến ngày 02/01/2018, Công ty TNHH khu công nghiệp Thăng Long không trả lương, mà làm thủ tục giải quyết chế độ ốm đau tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội.

- Theo biên bản xác minh tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội; Cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội xác định đã thanh toán trả tiền hưởng chế độ nghỉ ốm của Bùi Quang P từ ngày 06/9/2017 đến ngày 11/10/2018 là 31 ngày với số tiền 7.042.813đ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Bùi Quang P và buộc bị cáo S phải bồi thường số tiền mất thu nhập trong 04 tháng x 6.970.000đ = 27.880.000đ, trừ số tiền đã được Cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội thanh toán 7.042.813đ, còn 20.837.187đ là phù hợp.

- + Đối với khoản tiền bồi thường sức khỏe và tinh thần 200.000.000đ.

Xét thấy: Theo qui định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự “...Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do nhà nước qui định”. Yêu cầu bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần của Bùi Quang P là có căn cứ và phù hợp với qui định, nhưng việc yêu cầu bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần 200.000.000đ là quá cao so với qui định của pháp luật. Vì vậy, chỉ chấp nhận bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho Bùi Quang P khoảng 40 lần mức lương cơ sở do nhà nước qui định x 1.300.000đ/tháng = 52.000.000đ và buộc bị cáo S phải bồi thường cho Bùi Quang P số tiền này là phù hợp.

- + Đối với khoản tiền chi phí đi lại, ăn uống 10.000.000đ.

Xét thấy: Theo qui định tại điểm d khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự “thiệt hại khác do pháp luật qui định”. Việc yêu cầu của Bùi Quang P đối với khoản tiền chi phí thuê xe taxi đưa đi đón về, đưa đi phục hồi chức năng, đưa đi giám định sức khỏe nhiều lần tại các Bệnh viện Việt Đức; Bệnh viện E; Bệnh viện Đại học Y Hà Nội và tiền bồi dưỡng sức khỏe do bị chém chảy nhiều máu, mặc dù không có hóa đơn nhưng là khoản tiền chi phí thực tế phục vụ cho việc cấp cứu, chữa bệnh, phục hồi chức năng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu này của Bùi Quang P và buộc bị cáo S phải bồi thường số tiền này cho Bùi Quang P là phù hợp.

Như vậy, tổng cộng yêu cầu của Bùi Quang P được chấp nhận là 108.703.013, làm tròn là 108.703.000đ; trừ số tiền bị cáo S đã nộp bồi thường 5.000.000đ và bị cáo P bồi thường cho bị cáo S 2.884.000đ; Số tiền còn 100.819.000đ, bị cáo Phan Thanh S tiếp tục bồi thường cho Bùi Quang P.

[6] Về vật chứng vụ án: 01 tuýp sắt; 01 dao rựa; 01 USB lưu giữ hình ảnh camera không có giá trị sử dụng. Vì vậy, tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ, để sung công quỹ nhà nước.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 5.041.000đ, bị cáo Phan Thanh S phải chịu để sung công quỹ nhà nước.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Thanh S, Bùi Quang P phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 của Quốc hội.

Xử phạt: Phan Thanh S 06 (Sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 30/12/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 của Quốc hội.

Xử phạt: Bùi Quang P 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo; thời hạn thử thách 20 (Hai mươi) tháng và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo qui định của Luật Thi hành án dân sự, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Quang P cho UBND xã HB, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Về vật chứng vụ án:

- Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 tuýp sắt; 01 dao rựa; 01 USB lưu giữ hình ảnh camera.

(Tình trạng các vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2018 giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh).

** Về phần dân sự:*

- Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006 ngày 08/7/2006 của Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số qui định của Bộ luật Dân sự 2005, về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”: Buộc bị cáo Phan Thanh S tiếp tục bồi thường cho Bùi Quang P 100.819.000 (Một trăm triệu, tám trăm mười chín nghìn) đồng.

Giao trả số tiền 5.000.000đ cho Bùi Quang P (theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Công an huyện Đông Anh nộp vào tài khoản số 3949.0.1047882 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh ngày 31/01/2018).

- Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 22 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mục 1 phần I của danh mục án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để sung công quỹ nhà nước. Bị cáo Phan Thanh S phải chịu 5.041.000 (Năm triệu, không trăm bốn mươi một nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, để sung công quỹ nhà nước.

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6; 7; 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

Nơi nhận:

- VKS Đông Anh.
- Công an Đông Anh.
- Thi hành án Đông Anh
- Tòa án Hà Nội.
- Bị cáo.
- Người tham gia tố tụng (vắng mặt).
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Huy Duệ